

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HSST
Ngày 08 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Thẩm phán: Ông Trần Quang Khang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hùng
Ông Nguyễn Trung Tiến
Ông Huỳnh Mậu Thìn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trần Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Anh Tuấn và ông Trần Thanh Thuận- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Văn G**, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ngân hàng K chi nhánh Bạc Liêu. Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn N, sinh năm 1968 và Nguyễn Thị S, sinh năm 1967; có vợ là Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1996 và 01 người con (sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố ngày 06/8/2019 và bị bắt tạm giam kể từ ngày 12/8/2019 cho đến nay. (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lý Kim P, Luật sư, Công ty Luật Hợp Danh Tạ Nguyệt T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

*** Bị hại:**

- Trần Kim Đ, sinh năm 1951. Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp X, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt)

- Ngô Trung T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Trương Tấn P, sinh năm 1984. Địa chỉ: K, phường 3, TP. B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

- Nguyễn Chí T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp L, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt)

- Thạch U, sinh năm 1947. Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Huỳnh Văn U, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Nguyễn Văn H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

- Mai Văn Mười M, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Mai Văn Mười M: Ông Trần Minh T là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Đặng Hoàng M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp thị trấn , thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Hẻm 10, đường T, phường X, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Hoàng Đình H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

- Trần Nghĩa T, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm Đ, phường N, TP. B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Nguyễn Quốc S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Trần Văn N, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp Y, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bùi Thanh H, sinh năm 1967. Người đại diện theo ủy quyền: bà Dương Thị L sinh năm 1964 (vợ của ông H). Cùng ở địa chỉ: Ấp thị trấn , thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Phan Văn N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Dương Cơ L, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp A, xã V, TP. B, tỉnh Bạc Liêu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn G được Ngân hàng TMCP K- chi nhánh Bạc Liêu (viết tắt NH Kiên L- BL) tuyển dụng và phân công làm Nhân viên tín dụng, phụ trách tiếp nhận hồ sơ làm thủ tục vay vốn cho khách hàng (tại Quyết định số 33/QĐ-NHKL, ngày 06/01/2014 của NH K- BL). Trong quá trình làm việc, G có vay tiền của nhiều người để cho khách hàng vay lại trả nợ đáo hạn tại NH K- BL nhằm hưởng lãi suất chênh lệch và có nhiều khoản vay được G thanh toán xong nên tạo được lòng tin của nhiều khách hàng.

Từ năm 2016 đến năm 2018, G khai nhận tham gia cá độ bóng đá cùng với Dương Cơ L (Tài xế lái xe của NH K- BL) và đã thua cược với số tiền lớn, nên có vay tiền của nhiều người. Đến tháng 5/2018, do mất khả năng thanh toán các khoản nợ cá nhân nên G nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của người khác, bằng cách lợi dụng là Nhân viên tín dụng NH K- BL và mối quan hệ với nhiều người, trong đó có nhiều người là khách hàng của NH Kiên L- BL, G đưa ra thông tin gian dối đối với nhiều người là cần tiền cho khách hàng hoặc người thân của G vay tiền trả nợ đáo hạn tại NH Kiên L- BL (thực tế trong thời điểm này, G không có khách hàng quen hoặc người thân hỏi vay tiền trả nợ đáo hạn NH Kiên L- BL) và thỏa thuận khoảng thời gian từ 3-15 ngày, 01 tháng, 03 tháng... sẽ trả tiền gốc và lãi; nhưng sau khi nhận được tiền G sử dụng vào mục đích cá nhân, có một số khoản vay, G có trả một phần tiền lãi nhằm tạo niềm tin và kéo dài thời gian trả nợ, tạo lòng tin để tiếp tục vay tiền của người khác.

Đến ngày 11/11/2018, G tự ý nghỉ việc tại NH Kiên L- BL và cắt liên lạc với những người G đã vay, mượn tiền, đồng thời đi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, đến ngày 29/01/2019 quay về nhà bên vợ (Nguyễn Thị Kiều T) ở ấp K, xã T, thị xã G, thì Cơ quan điều tra tiến hành mời làm việc, G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 14/5/2018 đến ngày 07/11/2018, G đã nhiều lần thực hiện hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của 15 người với tổng số tiền là 4.150.000.000đ (Bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), cụ thể như sau: Ông Trần Kim Đ, số tiền 100.000.000đ; Nguyễn Mạnh T, số tiền 50.000.000đ; Ngô Trung T, số tiền 760.000.000đ; Trương Tấn P, số tiền 620.000.000đ; Nguyễn Chí T, số tiền 150.000.000đ, Thạch U, số tiền 110.000.000đ; Huỳnh Văn U, số tiền 640.000.000đ; Nguyễn Văn H, số tiền 150.000.000đ; Mai Văn Mười M, số tiền 100.000.000đ; Đặng Hoàng M, số tiền 240.000.000đ; Hoàng Đình H, số tiền 600.000.000đ ; Trần Nghĩa T, số tiền 50.000.000đ; Nguyễn Quốc S, số tiền 80.000.000đ; Trần Văn N, số tiền 450.000.000đ và Bùi Thanh H, số tiền 50.000.000đ

Trong quá trình điều tra, các bị hại gồm: Trần Kim Đ, Ngô Trung T, Trương Tấn P, Nguyễn Chí T, Thạch U, Huỳnh Văn U, Nguyễn Văn H, Mai Văn Mười M, Hoàng Đình H, Trần Nghĩa T, Nguyễn Quốc S, Trần Văn N và Bùi Thanh H đều cung cấp được các giấy tờ, biên nhận nợ có liên quan đến việc cho G vay tiền. Qua đối chiếu với từng loại giấy tờ cụ thể, G xác nhận chữ viết, chữ ký của G, nội dung trong các loại giấy tờ nêu trên là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của các bị hại về thời gian, số tiền cho vay. Do đó, không cần thiết phải trưng cầu giám định để xác định chữ ký, chữ viết của G trong các loại giấy tờ nêu trên.

Đối với trường hợp của ông Đặng Hoàng M giao nộp 02 tờ giấy mượn nợ vào ngày 15, 16 tháng 10/2018 với số tiền tổng cộng là 640.000.000đ. Qua đối chiếu với 02 tờ giấy mượn nợ trên, G xác nhận giấy mượn nợ là do G viết và ký tên để giao lại cho ông M giữ. Tuy nhiên, G trình bày *chữ viết ở phần lãi suất và thời hạn trả nợ không phải G viết*. Cơ quan CSĐT đã trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu giám định đối với các chữ viết, chữ ký trong 02 giấy mượn nợ nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số: 108/GĐ-2019, ngày 13/10/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu, kết luận: Chữ viết và chữ ký trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (*Giấy mượn nợ đề ngày 15/10/2018, mang tên Phan Văn G, CMND số 385346061, địa chỉ: A- Đ- Bạc Liêu*), ký hiệu A2 (*Giấy mượn nợ đề ngày 16/10/2018, mang tên Phan Văn G, CMND số 385346061, địa chỉ: A- Đ- Bạc Liêu*) với mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M5 (*chữ viết và chữ ký của Phan Văn G*) do cùng một người viết, ký ra (bút lục 73-74).

- Tại Công văn số: 214/NHKL-BL, ngày 25/02/2019 của NH Kiên L – BL cung cấp xác định Phan Văn G có mở tài khoản TGTT số 8512003 vào ngày 29/11/2013 và Dương Cơ L có mở tài khoản TGTT số 10320603 ngày 31/7/2013 tại NH Kiên L – BL. Qua kết quả kiểm tra đối chiếu thể hiện: Trong thời gian từ ngày 01/01/2017 đến ngày 29/10/2018, Phan Văn G đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của Dương Cơ L với tổng số tiền là 4.733.867.000đ, theo như G trình bày: Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 29/10/2018, G đã chuyển vào tài khoản của Dương Cơ L với số tiền tổng cộng là 4.733.867.000đ để tham gia cá cược bóng đá.

- Kết quả kiểm tra danh sách khách hàng vay vốn của NH Kiên L- BL và làm việc với Phan Văn G xác định: Thông tin G đưa ra có khách hàng hoặc người thân của G cần vay tiền để trả nợ đáo hạn tại NH Kiên L -BL là thông tin gian dối, vì trong thời điểm G vay tiền của những người bị hại nêu trên, không có trường hợp khách hàng quen hoặc người thân của G hỏi vay tiền của G để trả nợ đáo hạn tại NH Kiên L-BL, mục đích G hỏi vay tiền là nhằm để sử dụng vào việc cá độ bóng đá và trả các khoản nợ do G đã vay mượn trước đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Phan Văn G. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung 2017, xử phạt bị cáo Phan Văn G về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mức án từ 13 năm đến 14 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 12/8/2019.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao trả cho ông Nguyễn Mạnh T 01 giấy xác nhận cho vay tiền đề ngày 11/6/2015 (được đánh bút lục 547 trong hồ sơ vụ án).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 và khoản 1, khoản 4 Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại theo yêu cầu của các bị hại.

Bị cáo Phan Văn G thừa nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã truy tố. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, làm công dân tốt có ích cho xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Tại phiên tòa, các bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình phạt cho bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét tình tiết khắc phục hậu quả cho bị cáo vì số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại là còn ít so với số tiền bị cáo chiếm đoạt. Đồng thời, bị cáo chiếm đoạt tiền của ông Thạch U là người trên 70 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo phải trả cho ông Mai Văn Mười M số tiền 100.000.000đ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày bị cáo vay mượn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa đã thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa cũng như các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được trong quá trình điều tra, Hội đồng xét xử sơ thẩm có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 14/5/2018 đến ngày 07/11/2018, bị cáo Phan Văn G đã đưa ra thông tin gian dối đối với nhiều người là cần tiền cho khách hàng hoặc người thân của bị cáo vay tiền trả nợ đáo hạn tại NH K- BL (thực tế trong thời điểm này, bị cáo không có khách hàng quen hoặc người thân hỏi vay tiền trả nợ đáo hạn NH Kiên L- BL) và thỏa thuận khoảng thời gian từ 3-15 ngày, 01 tháng, 03 tháng... sẽ trả lại tiền gốc và lãi; nhưng sau khi nhận được tiền bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân, có một số khoản vay, bị cáo có trả một phần tiền lãi nhằm tạo niềm tin và kéo dài thời gian trả nợ hoặc nhằm để tiếp tục vay tiền của người khác. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo là đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào lời khai của bị cáo, các bị hại thì Cơ quan điều tra chứng minh được trong khoảng thời gian khoảng 06 tháng mà bị cáo đã chiếm đoạt, số tiền 4.150.000.000đ (bốn tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) nên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ nhận thức được mỗi công dân đều có quyền tài sản cá nhân, những ai có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác đều bị pháp luật xử lý nghiêm minh. Nhưng với bản tính ham chơi, muốn thụ hưởng thành quả lao động của người khác mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm, nhưng đã bất chấp hậu quả. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi đời sống chung của xã hội một thời gian dài, nhằm giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và cũng nhằm răn đe phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Trong vụ án này, bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tiền của nhiều người, các lần chiếm đoạt đều đủ định lượng truy cứu trách nhiệm hình sự nên cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Gia đình bị cáo có công với cách mạng (ông bà nội, ông bà ngoại của bị cáo được tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến); đồng thời bị cáo đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho các người bị hại và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt ngay tại phiên tòa nên được xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của vị kiểm sát viên, giữ quyền công tố tại phiên tòa.

Đối với yêu cầu áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội đối với người trên 70 tuổi” được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự của Trợ giúp viên pháp lý là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, khách thể xâm phạm trong vụ án này là quyền tài sản, không ảnh hưởng đến tính mạng sức khỏe, nhân phẩm của người bị hại nên việc áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là không phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng: nhận thấy các biên nhận nợ có liên quan đến vụ án đã được lưu trữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Mạnh T có yêu cầu nhận lại 01 giấy xác nhận cho vay tiền đề ngày 11/6/2015. Xét thấy biên nhận này không có liên quan đến vụ án nên yêu cầu của ông Nguyễn Mạnh T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu bị cáo Phan Văn G trả lại số tiền chiếm đoạt, riêng bị hại Mai Văn Mười M và bị hại Thạch U yêu cầu tính lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng K. Xét thấy, yêu cầu của các bị hại là phù hợp; tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại. Cụ thể như sau: Ông Trần Kim Đ, số tiền 100.000.000đ; Nguyễn Mạnh T, số tiền 50.000.000đ; Ngô Trung T, số tiền 760.000.000đ; Trương Tấn P, số tiền 620.000.000đ; Nguyễn Chí T, số tiền 150.000.000đ; Huỳnh Văn U, số tiền 640.000.000đ; Nguyễn Văn H, số tiền 150.000.000đ; Đặng Hoàng M, số tiền 240.000.000đ; Hoàng Đình H, số tiền 600.000.000đ ; Trần Nghĩa T, số tiền 50.000.000đ; Nguyễn Quốc S, số tiền 80.000.000đ; Trần Văn N, số tiền 450.000.000đ và Bùi Thanh H, số tiền 50.000.000đ. Riêng đối với Mai Văn Mười M, số tiền nợ gốc là 100.000.000đ, nợ lãi là $100.000.000đ \times 22 \text{ tháng} \times 1,05\%/\text{tháng} = 24.019.000đ$; tổng số tiền mà bị cáo có trách nhiệm trả cho ông Mười M là 124.019.000đ; Thạch U, số tiền nợ gốc là 110.000.000đ, nợ lãi là $110.000.000đ \times 23 \text{ tháng} \times 0,915\% = 23.820.500đ$, tổng số tiền mà bị cáo có trách nhiệm trả cho ông U là 133.820.500đ.

Trong giai đoạn truy tố, ngày 04/5/2020, ông Phan Văn N (cha ruột bị cáo G) đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu nộp khắc phục hậu quả số tiền 50.000.000đ tại biên lai số 006077. Do đó, cần tính tỷ lệ theo phần trả lại cho các bị hại, cụ thể như sau:

Trả cho Trần Kim Đ số tiền 1.200.000đ; Nguyễn Mạnh T số tiền 600.000đ; Ngô Trung T, số tiền 9.225.000đ; Trương Tấn P, số tiền 7.450.000đ; Nguyễn Chí T, số tiền 1.800.000đ; Huỳnh Văn U, số tiền 7.700.000đ; Nguyễn Văn H, số tiền 1.800.000đ; Đặng Hoàng M, số tiền 2.900.000đ; Hoàng Đình H, số tiền 7.250.000đ; Trần Nghĩa T, số tiền 600.000đ; Nguyễn Quốc S, số tiền 950.000đ; Trần Văn N, số tiền 5.400.000đ và Bùi Thanh H, số tiền 600.000đ; Thạch U yêu cầu số tiền 1.325.000đ, Mai Văn Mười M, số tiền 1.200.000đ.

Buộc bị cáo Phan Văn Gọn có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: Trần Kim Đ, số tiền 98.800.000đ; Nguyễn Mạnh T, số tiền 49.400.000đ; Ngô Trung T, số tiền 750.775.000đ; Trương Tấn P, số tiền 612.550.000đ; Nguyễn Chí T, số tiền 148.200.000đ; Huỳnh Văn U, số tiền 632.300.000đ; Nguyễn Văn H, số tiền 148.200.000đ; Đặng Hoàng M, số tiền 237.100.000đ; Hoàng Đình H, số tiền 592.750.000đ; Trần Nghĩa T, số tiền 49.400.000đ; Nguyễn Quốc S, số tiền 79.050.000đ; Trần Văn N, số tiền 444.600.000đ; Bùi Thanh H, số tiền 49.400.000đ; Thạch U số tiền 132.495.500đ (trong đó nợ gốc là 108.675.000đ và nợ lãi là 23.820.500đ) và Mai Văn Mười M, số tiền 122.819.000đ (trong đó nợ gốc là 98.800.000đ và nợ lãi là 24.019.000đ).

[7] Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền bị cáo vay, mượn của Nguyễn Mạnh T, số tiền 150.000.000đ; Vũ Tất T, số tiền 300.000.000đ; Ngô Hồng T, số tiền 300.000.000đ; Lê Trường G, số tiền 100.000.000đ; Võ Tấn Đ, số tiền 590.000.000đ; Đinh Quốc T, số tiền 170.000.000đ và Trần Quốc S, số tiền 150.000.000đ. Xét thấy không có dấu hiệu của tội phạm, các cơ quan tiến hành tố tụng xác định đây là những quan hệ, giao dịch dân sự nếu có phát sinh tranh chấp yêu cầu khởi kiện theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Đối với Dương Cơ L, bị cáo xác định trong khoảng thời gian từ ngày 12/01/2017 đến ngày 29/10/2018 nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản của L để tham gia cá độ bóng đá, tuy nhiên qua làm việc L không thừa nhận tham gia đánh bạc với bị cáo, việc phát sinh chuyển tiền qua tài khoản là tiền L cho G vay, mượn. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo và L nhưng không có kết quả nên không đủ căn cứ để xử lý bị cáo và Dương Cơ L về hành vi đánh bạc.

Đối với Nguyễn Văn H, Huỳnh Văn U, Hoàng Đình H, Trần Nghĩa T và Nguyễn Quốc S có hành vi cho vay với lãi suất gấp từ 05 lần trở lên so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm, tức 1,666%/tháng) nhưng số tiền lãi thực tế những người này đã nhận từ Phan Văn G dưới 30.000.000đ nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Văn H, Huỳnh Văn U, Hoàng Đình H, Trần Nghĩa T và Nguyễn Quốc S là có căn cứ.

Ngoài ra, quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh Ngô Trung T, Nguyễn Chí T, Đặng Hoàng M, Trương Tấn P và Trần Văn N cho vay với lãi suất gấp từ 05 lần trở lên so với lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm, tức 1,666%/tháng) nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Văn Gọn phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn G 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 12/8/2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao trả cho ông Nguyễn Mạnh T 01 giấy xác nhận cho vay tiền đề ngày 11/6/2015.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 468; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585 và khoản 1, khoản 4 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Trả cho Trần Kim Đ số tiền 1.200.000đ; Nguyễn Mạnh T số tiền 600.000đ; Ngô Trung T, số tiền 9.225.000đ; Trương Tấn P, số tiền 7.450.000đ; Nguyễn Chí T, số tiền 1.800.000đ; Huỳnh Văn U, số tiền 7.700.000đ; Nguyễn Văn H, số tiền 1.800.000đ; Đặng Hoàng M, số tiền 2.900.000đ; Hoàng Đình H, số tiền 7.250.000đ; Trần Nghĩa T, số tiền 600.000đ; Nguyễn Quốc S, số tiền 950.000đ; Trần Văn N, số tiền 5.400.000đ và Bùi Thanh H, số tiền 600.000đ; Thạch U số tiền 1.325.000đ, Mai Văn Mười Một, số tiền 1.200.000đ.

(Các bị hại nhận tiền tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu do ông Phan Văn N là cha ruột bị cáo nộp khắc phục hậu quả số tiền 50.000.000đ tại biên lai số 006077)

Buộc bị cáo Phan Văn G có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho các bị hại số tiền cụ thể như sau: Trần Kim Đ, số tiền 98.800.000đ; Nguyễn Mạnh T, số tiền 49.400.000đ; Ngô Trung T, số tiền 750.775.000đ; Trương Tấn P, số tiền 612.550.000đ; Nguyễn Chí T, số tiền 148.200.000đ; Huỳnh Văn U, số tiền 632.300.000đ; Nguyễn Văn H, số tiền 148.200.000đ; Đặng Hoàng M, số tiền 237.100.000đ; Hoàng Đình H, số tiền 592.750.000đ; Trần Nghĩa T, số tiền 49.400.000đ; Nguyễn Quốc S, số tiền 79.050.000đ; Trần Văn N, số tiền 444.600.000đ; Bùi Thanh H, số tiền 49.400.000đ; Thạch U số tiền 132.495.500đ (trong đó nợ gốc là 108.675.000đ và nợ lãi là 23.820.500đ) và Mai Văn Mười M, số tiền 122.819.000đ (trong đó nợ gốc là 98.800.000đ và nợ lãi là 24.019.000đ).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí hình sự, dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 112.147.800đ (một trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bị cáo và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM (01 bản);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- CQĐT Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Người bào chữa (01 bản);
- Các bị hại (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Thanh Hùng